

Số: 62/2021/QĐST-HNGĐ

Tam Nông, ngày 27 tháng 7 năm 2021

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số 73/2021/TLST- HNGĐ ngày 27 tháng 5 năm 2021 giữa:

Nguyên đơn: Chị **Phạm Thị Thúy H**, sinh năm 1987;

Địa chỉ: Khu 7, xã D, huyện T, tỉnh P.

Bị đơn: Anh **Phạm Văn Q**, sinh năm 1984;

Địa chỉ: Khu 7, xã D, huyện T, tỉnh P.

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 55 của Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 20/7/2021.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 20/7/2021 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn bảy ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa: Chị Phạm Thị Thúy H và anh Phạm Văn Q.

2. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

Về con chung: Vợ chồng xác định có 03 con chung là Phạm Thị Thùy L, sinh ngày 26/02/2010; Phạm Gia B, sinh ngày 11/01/2012 và Phạm Gia K, sinh ngày 24/12/2014.

Khi ly hôn hai bên thỏa thuận: Giao 2 con chung là Phạm Thị Thùy L và Phạm Gia K cho chị H trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Giao con chung là Phạm Gia B cho anh Q trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Anh Q có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị H đối với cháu Phạm Gia K số tiền 745.000đồng/tháng, kể từ tháng 8/2021 cho đến khi cháu K thành niên và có khả năng lao động hoặc có tài sản để tự nuôi mình.

Phương thức cấp dưỡng theo từng tháng.

Không ai được cản trở quyền gặp gỡ, thăm nom con chung của chị H và anh Q.

Tài sản chung: Hai bên đều xác định không có, không đề nghị Tòa án giải quyết nên không đặt ra giải quyết.

Công nợ: Chị H, anh Q và đại diện Ngân hàng Chính sách xã hội huyện Tam Nông đều xác định: Vợ chồng anh Q và chị H còn nợ Ngân hàng Chính sách xã hội huyện Tam Nông số tiền 50.244.235đồng (Năm mươi triệu hai trăm bốn mươi bốn nghìn hai trăm ba mươi năm đồng), trong đó nợ gốc là 50.000.000đồng và lãi tính đến ngày 02/7/2021 là 244.235 đồng.

Khi ly hôn anh Q có nghĩa vụ trả Ngân hàng Chính sách xã hội huyện Tam Nông số tiền 50.244.235đồng (Năm mươi triệu hai trăm bốn mươi bốn nghìn hai trăm ba mươi năm đồng) và tiền lãi phát sinh theo quy định của Ngân hàng Chính sách xã hội từ ngày 03/7/2021 cho đến khi thanh toán xong.

Công sức đóng góp bên chồng hoặc bên vợ: Hai bên đều xác định không có nên không đặt ra giải quyết.

Về án phí: Chị Phạm Thị Thúy H tự nguyện chịu 150.000đ (Một trăm năm mươi nghìn đồng) tiền án phí ly hôn sơ thẩm và 150.000đ (Một trăm năm mươi nghìn đồng) tiền án phí cấp dưỡng nuôi con. Xác nhận chị Hương đã nộp số tiền 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) tại biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2020/0003010 ngày 27/5/2021 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tam Nông, tỉnh Phú Thọ.

Trường hợp Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:

- *Đương sự;*
- *VKSND huyện;*
- *UBND xã D;*
- *Lưu HSVA.*

THẨM PHÁN

Nguyễn Đăng Trình

